UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 160 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách khách hàng quan trọng ưu tiên cấp điện năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/11/2013 của Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng giảm mức cung cấp điện.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 08/TTr-SCT ngày 27/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách khách hàng ưu tiên cấp điện và danh sách khách hàng xếp theo thứ tự ưu tiên cấp điện năm 2020, cụ thể theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Công ty Điện lực Bắc Giang tổ chức thực hiện việc ưu tiên và đảm bảo cấp điện cho các khách hàng có tên trong danh sách theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Sở Công Thương có trách nhiệm giám sát việc thực hiện ngừng, giảm cung cấp điện trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 3: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Công ty Điện lực Bắc Giang và các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Nam.CN.

Bản điện tử:
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
+ LĐVP, TKCT, CNN, TH;
+ QTTV, TTTT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

UBND Tỉnh Bắc Giang
03/03/2020 16:44:59

Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH KHÁCH HÀNG QUAN TRỌNG

(Kèm theo Quyết định số: 160 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

UBND Tỉnh Bắc Giang
03/03/2020 16:45:12

TT	Tên khách hàng	Địa chỉ sử dụng điện	Công suất sử dụng (kW)	Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện chính
1	Tỉnh ủy	Đường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	630	E7.1	472
2	UBND tỉnh	Đường Hùng Vương, TP Bắc Giang	560	E7.1	472
3	Công an tỉnh	Đường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	560	E7.1	472
			2x630	E7.1	479
4	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	800	E7.12	473
5	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	180+320	E7.12	473
6	Báo Bắc Giang	Số 49 Đường Nguyễn Văn Cừ, TP Bắc Giang	160	E7.1	477
7	Trung tâm Hội nghị, Nhà khách tỉnh	Quảng trường 3/2, TP Bắc Giang	750	E7.1	471
8	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Đường Lê Lợi, TP Bắc Giang	100+2x250+750+1000	E7.1	472
9	Bệnh viện Sản - Nhi	Đường Lê Lợi, xã Dĩnh Kế, TP Bắc Giang	750+1000	E7.1	477
10	Bưu điện tỉnh	Đường Hùng Vương, TP Bắc Giang	2x400	E7.1	472
11	Viễn thông Bắc Giang	Đường Nguyễn Thị Lưu, TP Bắc Giang	2x320	E7.1	477
12	Viettel Bắc Giang- Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội	Đường Nguyễn Thị Minh Khai, TP Bắc Giang	560	E7.1	479
13	Bệnh viện Y học cổ truyền	Đường Cô Giang, TP Bắc Giang	100	E7.1	485
14	Bệnh viện Nội tiết	Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	560	E7.1	372
15	Bệnh viện Ung bướu	Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	500	E7.1	372
16	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi	Km 4, xã Song Mai, TP Bắc Giang	180+400	E7.12	471
17	Bệnh viện Tâm thần	Xã Song Mai, TP Bắc Giang	320	E7.12	471
	Tổng cộng		13.380		

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH KHÁCH HÀNG XẾP THEO THỨ TỰ CẤP ĐIỆN ƯU TIÊN
(Kèm theo Quyết định số: 160 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

UBND Tỉnh Bắc Giang
03/03/2020 16:45:25

TT	Thứ tự khách hàng ưu tiên	Công suất sử dụng (kW)				Trạm biến áp cấp điện	Đường dây cấp điện chính
		Giờ bình thường	Giờ cao điểm	Giờ thấp điểm	K/h mua điện 1 giá		
1	Văn phòng Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố				2.500	Các TBA	Các đường dây
2	Ban chỉ huy Quân sự huyện, thành phố				1.800		
3	Công an huyện, thành phố				1.800		
4	Bệnh viện huyện, thành phố				3.200		
5	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật				400	E7.1	477
6	Nhà thi đấu thể thao tỉnh (Phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang)				450	E7.1	474
7	Trung đoàn 927, Sư đoàn 371 (Sân bay Kép)				2.165	E7.13	373, 376
8	Công ty cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	18.500	22.000	22.000		E7.1	373, 374
9	KCN Quang Châu, huyện Việt Yên	73.000	65.000	50.000		E7.18	472, 474, 476, 478, 482, 484, 471, 473, 475, 477, 481, 483
10	KCN Đình Trám, huyện Việt Yên	80.000	75.000	55.000		E7.7	471, 473, 477
						E7.17	472, 474

11	KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	90.000	75.000	80.000		E7.17	471, 473, 475, 477, 481, 483, 484, 472, 474, 476, 478
						E7.12	475, 477.
						E7.7	471, 473
12	KCN Vân Trung 2, huyện Việt Yên	30.500	27.500	20.000		E7.17	476, 478, 486, 488
						E7.12	475, 477
13	KCN Song Khê-Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	62.000	46.000	50.000		E7.12	371,372, 373, 375, 377, 374, 376, 382
14	KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa	3.500	2.000	1.500		E7.16	472
15	CCN Việt Tiến, huyện Việt Yên	11.000	10.000	13.000		E7.7	373
16	CCN Hoàng Mai, huyện Việt Yên	10.000	9.000	12.000		E7.7	474, 475
						E7.18	481, 483
17	CCN Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	12.000	9.000	13.000		E7.21	473
18	Bệnh viện Phục hồi chức năng (Quế Nham - Tân Yên)				180	E7.12	471
19	Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang				820	E7.1	487
20	Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng nước DNP-Bắc Giang				750	E7.13	377
21	Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang (Trạm bơm cấp nước tăng áp Hà Vị)				560	E7.1	479

22	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường (Trạm xử lý nước thải tập trung số 1)				400	E7.1	483
23	Trung tâm bơm tiêu thoát nước đô thị thành phố Bắc Giang - Trạm bơm Cống Sông	1.000	450	1.200		E7.1	479
						E7.12	471
24	Trung tâm bơm tiêu thoát nước đô thị thành phố Bắc Giang - Trạm bơm Chi Ly	400	320	500		E7.1	479
25	Trung tâm bơm tiêu thoát nước đô thị thành phố Bắc Giang - Trạm bơm Văn Sơn	800	600	1.200		E7.1	378
26	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Cống Bún (TP Bắc Giang)	5.000	4.200	6.000		E7.1	372
27	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương - Trạm bơm Châu Xuyên 1 (TP Bắc Giang)	400	250	500		E7.1	483
28	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương - Trạm bơm Châu xuyên 2 (TP Bắc Giang)	400	320	630		E7.1	474
29	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương - Trạm bơm Thái Sơn 3 (Yên Dũng)	800	500	1.200		E7.1	378
30	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Cổ Dũng (Yên Dũng)	400	320	600		E7.19	379
31	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương - Trạm bơm Lạc Giản (Yên Dũng)	150	120	260		TG X Phú	472
32	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương - Trạm bơm Xuân Đám (Yên Dũng)	150	120	180		TG X Phú	472
33	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương - Trạm bơm Thái Sơn 2 (Yên Dũng)	180	120	250		TG X Phú	472
34	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương - Trạm bơm Lãng Sơn (Yên Dũng)	1.000	600	1.200		TG X Phú	473

35	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Yên Tập (Yên Dũng)	1.200	720	1.400		E7.19	371
36	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Tư Mại (Yên Dũng)	800	600	1.200		E7.19	371
37	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Khánh Am (Yên Dũng)	800	600	1.200		E7.19	371
38	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương - Trạm bơm Ghềnh Nghệ (Yên Dũng)	600	400	800		E7.19	377
39	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Cổ Pháp (Yên Dũng)	800	600	800		E7.19	375
40	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương -Trạm bơm Ngọ Khổng (Hiệp Hòa)	1.500	800	2.100		E7.16	477
41	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Cẩm Bào (Hiệp Hòa)	800	400	1.200		E7.16	473
42	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Khám Lạng (Lục Nam)	500	320	620		E7.14	371, 373
43	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Quang Biểu (Việt Yên)	1.000	600	1.200		E7.7	482
44	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Đông Tiến (Việt Yên)	150	60	180		E7.7	482
45	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương - Trạm bơm Trúc Tay (Việt Yên)	2.500	2.000	2.500		E7.7	371
46	Công ty CP Xi măng Bắc Giang	12.815	12.815	12.675		E7.13	375
47	Công ty cổ phần Tổng Công ty may Bắc Giang LGG	1.820	1.820	80		E7.13	371
48	Công ty 45 – Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	4.000	4.000	3.000		E7.8	376

49	Công ty cổ phần dịch vụ Tây Yên Tử	1.15	2.19	110		E7.8	376
50	Công ty cổ phần Tổng Công ty may Bắc Giang BGG	750	850	25		E7.1	477
51	Công ty TNHH MTV Quốc tế Việt Pan PACIFIC	1.809	1.809	10		E7.1	471
52	Công ty cổ phần Tân Xuyên	2.250	2.250	100		E7.1	375
53	Công ty CP ngôi sao Bắc Giang	820	800	800		E7.1	375
54	Công ty cổ phần Casablanca	4.500	4.200	3.600		E7.1	375
						E7.13	371
55	Chi nhánh Công ty cổ phần bất động sản Việt-Nhật tại Bắc Giang (BIG C Bắc Giang)	2.000	1.870	450		E7.1	371
56	Công ty TNHH Thạch Bàn	8.000	10.000	6000		E7.19	373
57	Công ty cổ phần Tổng Công ty may Bắc Giang LNG	750	150	25		E7.14	371
58	Công ty TNHH Khải Thừa Việt Nam	10.731	11.902	9.560		E7.14	374
59	Công ty TNHH Khải Thần Việt Nam	3.456	3.156	3.156		E7.14	372
60	Công ty CP may xuất khẩu Hà Phong	4.81	4.81	30		E7.11	371, 373
61	Công ty TNHH NSM HV	2.500	2.500	70		E7.11	477
62	Chi nhánh Công ty cổ phần kỹ thương Thiên Hoàng - nhà máy gạch COTTO MIKADO	1.585	1.575	900		E7.11	477
63	Công ty cổ phần may xuất khẩu Hà Bắc	1.515	1.515	150		E7.7	372

64	Công ty TNHH Daeyang Ha Noi	2.367	2.367	2.367		E7.9	377
65	Công ty TNHH gạch ngói Trí Yên- Bắc Giang	2.028	2.057	520		E7.19	477
66	Công ty TNHH MTV chăn nuôi Hòa Phát Bắc Giang	1.450	1.350	1.350		E7.8	372
67	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Tân Thành	650	500	350		E7.13	473
68	Công ty cổ phần An Hưng Pottery	850	500	300		E7.21	471
69	Công ty TNHH Long Hà	670	350	600		E7.13	371
70	Công ty TNHH phát triển khai khoáng Tường Long	450	300	250		E7.12	471
71	Công ty TNHH ChungDang Vina	570	370	250		E7.21	471, 473
72	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư thương mại công nghiệp King Han	530	300	450		E7.11	471
73	Công ty TNHH Bia Vinaken	400	270	250		E7.11	473
74	Công ty TNHH Thiên Hải Long	680	150	570		E7.8	374
75	Công ty TNHH sản xuất - kinh doanh vật liệu xây dựng Trung Nam	1.585	1.575	900		E7.1	377
76	Công ty cổ phần Hợp Nhất	1.400	1.200	900		E7.14	377
77	Công ty cổ phần Hợp Thịnh Phát	550	450	250		E7.21	471
78	Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Đức Lâm	750	550	650		E7.13	373
79	Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Bảo	1.350	1.000	600		E7.9	373

80	Công ty cổ phần Gốm xây dựng Hiệp Hòa	750	500	650		E7.21	473
81	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bắc Hải Hưng	650	450	550		E7.1	377
82	Công ty cổ phần may Yên Thế	750	850	25		E7.9	377
83	Công ty cổ phần Clever	820	500	700		E7.8	374
84	Công ty cổ phần sản xuất gạch Đất Việt	720	570	500		E7.7	375
85	Công ty cổ phần Gốm Sơn Động	750	650	600		E7.8	372
86	Công ty cổ phần Đại Thắng	820	500	650		E7.12	471
87	Công ty cổ phần Hoàn Hảo	750	500	550		E7.1	377
88	Công ty TNHH HANA KOVI Việt Nam	620	450	570		E7.9	377
89	Công ty TNHH thương mại và sản xuất bao bì Ánh Thảo	600	400	450		E7.1	377
90	Công ty TNHH Nam Cường SĐ	740	350	650		E7.8	372
91	Công ty cổ phần giấy Mạnh Đạt	550	400	600		E7.14	371
92	Công ty cổ phần gốm Đông Sơn	600	470	550		E7.13	473
93	Công ty TNHH Hoàng Mạnh Việt	750	550	650		E7.8	372
94	Công ty TNHH MTV gà giống DABACO	500	450	400		E7.9	372
95	Công ty TNHH Quang Thịnh Phát Bắc Giang	650	400	350		E7.1	377

96	Công ty TNHH RFTECH Thái Nguyên	680	450	200		E7.1	377
97	Công ty TNHH Intermax Việt Nam	750	350	450		E7.11	482
98	Công ty TNHH Hansol Vina	670	430	570		TG Nhã Nam	472
99	Công ty cổ phần thương mại Thịnh Phát	500	450	400		E7.14	476
100	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Ngọc Thiện TJC	750	650	300		TG Nhã Nam	471
101	Công ty CP Xuất nhập khẩu và Sản xuất Thương mại Công nghệ Mặt Trời	750	650	450		E7.11	474
102	Công ty TNHH Tiến Hoàng	550	450	400		TG Cao Xá	471
103	Xí nghiệp may BGG Lạng Giang - Chi nhánh công ty cổ phần IBT	550	650	30		E7.13	371
	Tổng cộng	**478.161**	**430.761**	**383.518**	**14.275**		